TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2024
V/v "Ly hôn giữa chị N và anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tường Bích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 584/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐST–HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Biện Thị Tuyết N**, sinh năm: 1999. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 2, xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT.

Chị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 26/4/2024.

* *Bị đơn:* **Phạm Chí B**, sinh năm: 1997. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 2, xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Biện Thị Tuyết N trình bày:*

Chị Biện Thị Tuyết N với anh Phạm Chí B tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thới vào năm 2019. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, không thể hàn gắn. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Chí B.

Về nuôi con chung: Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc B V, sinh ngày 09/12/2020 và chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Phạm Chí B trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Biện Thị Tuyết N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy Nên bị đơn Phạm Chí B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Biện Thị Tuyết N đối với anh Phạm Chí B.

Về nuôi con chung: Chị Biện Thị Tuyết N được nuôi con chung là Phạm Ngọc B V, sinh ngày 09/12/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N khai không có, anh B cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có, anh B cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Biện Thị Tuyết N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Phạm Chí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Anh B và chị N cưới nhau vào năm 2019, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã vào năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa anh B va chị N đã phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Toà án đã triệu tập anh B và chị N để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh B vắng mặt không lý do, đồng thời chị N cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh B và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh B và chị N có 01 con chung là Phạm Ngọc B V, sinh ngày 09/12/2020.

Cháu Phạm Ngọc B V đã sống chung với chị N từ nhỏ, chị N chăm sóc cháu V phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc B V để chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm B sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N nuôi con chung không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị N khai không có, anh B vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị N khai không có, anh B vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Biện Thị Tuyết N đối với anh Phạm Chí B.

Cho ly hôn giữa chị Biện Thị Tuyết N với anh Phạm Chí B.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Biện Thị Tuyết N với anh Phạm Chí B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: : Anh B và chị N có 01 con chung là Phạm Ngọc B V, sinh ngày 09/12/2020.

Chị Biện Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc B V, sinh ngày 09/12/2020.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Biện Thị Tuyết N không yêu cầu anh Phạm Chí B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Biện Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000704 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Biện Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Bình Thới
(Số 45 ngày 09/7/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tháo